

Số: **3743** /QĐ-UBND

Bình Định, ngày **24** tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi,
thiết kế bản vẽ thi công - dự toán và kế hoạch sử dụng vốn đối ứng của tỉnh

**Dự án: Phát triển bệnh viện tỉnh, vùng - giai đoạn II,
Hợp phần Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 4847/QĐ-BYT ngày 22/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Văn kiện Dự án "Phát triển bệnh viện tỉnh, vùng - giai đoạn II tỉnh Bình Định" bằng nguồn vốn vay JICA Nhật Bản;

Căn cứ Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Phát triển bệnh viện tỉnh, vùng - giai đoạn II, Hợp phần Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định;

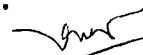
Xét đề nghị của Bệnh viện Đa khoa tỉnh tại các Tờ trình: số 3050/TTr-BV ngày 28/9/2016 và số 3129/TTr-BV ngày 13/10/2016 (có Công văn số 333/SXD-QLXDTĐ ngày 07/10/2016 của Sở Xây dựng về kết quả thẩm định điều chỉnh Dự án Phát triển bệnh viện tỉnh, vùng - giai đoạn II, Hợp phần Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định; Công văn số 338/SXD-QLXDTĐ ngày 11/10/2016 của Sở Xây dựng về kết quả thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình thuộc Dự án Phát triển bệnh viện tỉnh, vùng - giai đoạn II, Hợp phần Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định kèm theo),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán và kế hoạch sử dụng vốn đối ứng của tỉnh cho Dự án: Phát triển bệnh viện tỉnh, vùng - giai đoạn II, Hợp phần Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định (sau đây gọi tắt là Dự án); cụ thể như sau:

1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi (phần sử dụng nguồn vốn đối ứng của tỉnh):

a) Phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án:



- Thời gian thực hiện dự án đã phê duyệt tại Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của UBND tỉnh: Từ năm 2012 - 2016; **Điều chỉnh thành: Từ năm 2012 - 2017.**

- Lý do điều chỉnh: Để phù hợp với tiến độ giải ngân của Dự án (theo Công văn số 39/BQLDA-JICA ngày 30/5/2016 và số 76/BQLDA-JICA ngày 03/10/2016 của Ban QLDA Trung ương Bộ Y tế về việc thông báo phê duyệt Hợp đồng/Phụ lục điều chỉnh hợp đồng cung cấp TTB y tế bằng vốn vay JICA).

b) Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phần xây dựng, cải tạo, sửa chữa cơ sở hạ tầng để phục vụ lắp đặt trang thiết bị y tế theo kết quả lựa chọn nhà thầu:

*** Các hạng mục cải tạo, sửa chữa:**

- Hạng mục 1: Cải tạo, sửa chữa nhà lắp đặt thiết bị hệ thống CT Scanner 128 lát cắt.

- Hạng mục 2: Cải tạo, sửa chữa nhà lắp đặt thiết bị hệ thống chụp mạch số hóa xóa nền 1 bình diện.

- Hạng mục 3: Cải tạo, sửa chữa nhà lắp đặt thiết bị hệ thống X-Quang kỹ thuật số.

- Hạng mục 4: Cải tạo, sửa chữa nhà lắp đặt thiết bị hệ thống chụp cộng hưởng từ 3.0 tesla.

- Hạng mục 5: Cải tạo, sửa chữa nhà lắp đặt thiết bị các thiết bị thụ tinh ống nghiệm - IVF

*** Loại, cấp công trình:** Công trình công cộng, cấp III.

*** Chủ đầu tư:** Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định.

*** Địa điểm xây dựng:** Trong khuôn viên đất của Bệnh viện Đa khoa tỉnh (106 Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn).

*** Đơn vị tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (phần xây dựng):** Công ty TNHH Kỹ thuật xây dựng Bình Định.

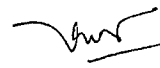
*** Nội dung, quy mô đầu tư:**

- Cải tạo, sửa chữa nhà lắp đặt thiết bị hệ thống CT Scanner 128 lát cắt: Diện tích mặt bằng hiện trạng 206 m²; bố trí các phòng chức năng: phòng chụp CT (32m²), phòng điều khiển (17m²), phòng bác sĩ (11m²), phòng đợi chụp (33m²), phòng thủ thuật (11m²), hành lang đợi, khu vệ sinh.

- Cải tạo, sửa chữa nhà lắp đặt thiết bị hệ thống chụp mạch số hóa xóa nền 1 bình diện: Diện tích mặt bằng hiện trạng 597 m²; bố trí các phòng chức năng: phòng chụp mạch (57m²), phòng điều khiển (24m²), phòng thiết bị (19m²), phòng dụng cụ (28m²), phòng trưởng khoa (19m²), phòng bác sĩ (19m²), phòng điều dưỡng - giao ban (40m²), phòng trực - cấp cứu (93m²), phòng thăm dò chức năng ECG (17m²), phòng siêu âm tim (36m²), hành lang sạch, hành lang đợi, khu vệ sinh.

- Cải tạo, sửa chữa nhà lắp đặt thiết bị hệ thống X-Quang kỹ thuật số: Diện tích mặt bằng hiện trạng 76m²; bố trí các phòng chức năng: phòng chụp X-Quang (32m²), phòng điều khiển (17m²), phòng bác sĩ (11m²), khu vệ sinh.

- Cải tạo, sửa chữa nhà lắp đặt thiết bị hệ thống chụp cộng hưởng từ 3.0 tesla: Diện tích mặt bằng hiện trạng 206 m²; bố trí các phòng chức năng: phòng chụp MRI



(37m²), phòng điều khiển (15m²), phòng đọc phim (10m²), phòng bác sĩ (12m²), phòng đợi chụp (37m²), phòng thiết bị (18m²), phòng giao ban (44m²), khu vệ sinh.

- Cải tạo, sửa chữa nhà lắp đặt các thiết bị thụ tinh ống nghiệm - IVF: Diện tích mặt bằng hiện trạng 402 m²; bố trí các phòng chức năng: phòng thí nghiệm thụ tinh ống nghiệm (IVF Lab), chuyển phôi, xét nghiệm, lấy mẫu, IUI, hồi sức, khám, giám sát, tổng hợp, tiếp nhận, rửa tay, khu vực đợi, khu vệ sinh.

*** Tổng mức đầu tư các hạng mục 1 - 5 : 17.274.218.000 đồng**

(Mười bảy tỷ, hai trăm bảy mươi tư triệu, hai trăm mười tám nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây lắp : 13.605.500.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án: : 300.929.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình : 909.446.000 đồng
- Chi phí khác : 830.028.000 đồng
- Chi phí dự phòng : 1.628.315.000 đồng

*** Nguồn vốn đầu tư:** Nguồn vốn đối ứng của tỉnh vào Dự án.

*** Hình thức tổ chức lựa chọn nhà thầu:** Theo Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu.

c) Lý do điều chỉnh, bổ sung: Bổ sung quy mô đầu tư phần xây dựng cải tạo, sửa chữa các khoa phòng để phù hợp với việc lắp đặt trang thiết bị y tế (được lựa chọn qua đấu thầu quốc tế) vào Dự án được duyệt tại Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của UBND tỉnh.

d) Các nội dung khác: Vẫn giữ nguyên và thực hiện theo Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của UBND tỉnh và các Quyết định khác của UBND tỉnh có liên quan đến Dự án.

2. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng cải tạo, sửa chữa các hạng mục nêu tại Phần I:

a) Đơn vị tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán: Công ty TNHH Kỹ thuật Xây dựng Bình Định.

b) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

- QCVN 03:2012/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia “Nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị”;
- TCXDVN 276:2003 Công trình công cộng - Nguyên tắc thiết kế;
- TCVN 4319:2012 Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;
- TCXDVN 365:2007 Bệnh viện đa khoa - Hướng dẫn thiết kế;
- TCXDVN 264-2002 Nhà và công trình - Nguyên tắc cơ bản XDCT để đảm bảo người tàn tật tiếp cận sử dụng;
- TCVN 9362:2012 Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
- TCVN 9258:2012 Chống nóng cho nhà ở - Chỉ dẫn thiết kế;

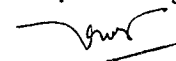
- TCXD 16:1986 Chiều sáng nhân tạo trong công trình dân dụng;
- TCXD 29:1991 Chiều sáng tự nhiên trong công trình dân dụng;
- TCXD 2737:1995 Tiêu chuẩn tải trọng và tác động;
- TCVN 5574:2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9362:2012 Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
- TCVN 9379:2012 Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán;
- TCXD 2622:1995 Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 4513:1988 Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4474:1987 Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 25:1991 Đặt đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng;
- TCVN 27:1991 Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng;
- TCVN 394:2007 Tiêu chuẩn thiết kế, lắp đặt trang thiết bị điện trong các công trình xây dựng - phần an toàn điện;
- TCVN 9207:2012 Đặt đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9206:2012 Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9385:2012 Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành khác có liên quan.

c) Quy mô xây dựng và các giải pháp thiết kế chính:

*** Hạng mục 1 - Cải tạo, sửa chữa nhà lắp đặt thiết bị hệ thống CT Scanner 128 lát cắt:**

- Diện tích mặt bằng xây dựng 206 m²; bố trí các phòng chức năng: phòng chụp CT (32m²), phòng điều khiển (17m²), phòng bác sĩ (11m²), phòng đợi chụp (33m²), phòng thủ thuật (11m²), hành lang đợi, khu vệ sinh.

- Tháo dỡ toàn bộ tường, sàn gạch, cửa đi khu vực phòng khám và hành lang hiện trạng để đảm bảo chất lượng công trình cải tạo; Xây tường mới theo thiết kế bằng gạch bê tông, trát vữa xi măng M75; tường các phòng sơn bả matit hoàn thiện, chân tường ốp gạch granit 150x600 bằng mặt tường; tường phòng chụp CT có tấm chì dày 2mm ở giữa để ngăn tia X; tường phòng đợi chụp, hành lang chân tường ốp gạch 300x600 và 150x600 cao 1,05m, phần trên cao sơn bả matit; tường phòng thủ thuật, phòng vệ sinh ốp gạch granit 300x600 cao đến trần hoàn thiện; Nền các phòng chụp CT, bác sĩ, điều khiển, đợi chụp, thủ thuật và hành lang lát gạch granit 600x600 lên chân tường 150x600; nền phòng chụp CT gia cố bê tông chịu lực máy 3.119 kg, nền hoàn thiện có độ mấp mô không quá 3mm/3m; nền phòng vệ sinh lát gạch granit 300x300 chống trượt; Tháo dỡ trần thạch cao khu vực hành lang; toàn bộ các phòng và hành lang được đóng trần thạch cao chống ẩm, khung nổi 600x600; trần phòng chụp CT được ốp tấm chì dày 2mm ngăn tia X; trần trong phòng cách sàn 2,8m, trần hành lang cách sàn 2,95m. Hệ thống cửa : Các cửa đi, cửa sổ có cấu tạo khung nhựa,



lỗi thép, kính cường lực; cửa đi phòng chụp CT có cấu tạo đóng - mở tự động, khung thép ốp tấm inox 304, bên trong có lớp cách âm cách nhiệt và tấm chì dày 2mm ngăn tia X; kính chì quan sát ngăn tia X tương đương tấm chì dày 2mm. Hoàn chỉnh hệ thống điện, cấp, thoát nước theo quy định.

*** Hạng mục 2 - Cải tạo, sửa chữa nhà lắp đặt thiết bị hệ thống chụp mạch số hóa xóa nền 1 bình diện:**

- Diện tích mặt bằng xây dựng 597 m²; bố trí các phòng chức năng: phòng chụp mạch (57m²), phòng điều khiển (24m²), phòng thiết bị (19m²), phòng dụng cụ (28m²), phòng trưởng khoa (19m²), phòng bác sĩ (19m²), phòng điều dưỡng - giao ban (40m²), phòng trực - cấp cứu (93m²), phòng thăm dò chức năng ECG (17m²), phòng siêu âm tim (36m²), hành lang sạch, hành lang đợi, khu vệ sinh.

- Tháo dỡ toàn bộ tường, sàn gạch, cửa đi, thiết bị vệ sinh khu vực phòng khám, điều trị và hành lang hiện trạng để đảm bảo chất lượng công trình cải tạo; Xây tường mới theo thiết kế bằng gạch bê tông, trát vữa xi măng M75; tường các phòng sơn bả matit hoàn thiện, chân tường ốp gạch granit 150x600 bằng mặt tường; tường phòng chụp mạch có tấm chì dày 2mm ở giữa để ngăn tia X, các góc tường bo tròn, sơn epoxy 02 lớp dày 1,0mm; tường hành lang chân tường ốp gạch 300x600 và 150x600 cao 1,05m, phần trên cao sơn bả matic; tường phòng cấp cứu - hồi tỉnh, phòng trực, phòng vệ sinh ốp gạch granit 300x600 cao đến trần hoàn thiện; Nền các phòng và hành lang lát gạch granit 600x600 lên chân tường 150x600; nền phòng chụp mạch được gia cố tấm bê tông 1mx1m chịu lực máy, trải tấm vinyl (chống tĩnh điện, kháng khuẩn, chịu mài mòn, chịu lực nén), dày tối thiểu 2mm, số đường ghép tối thiểu, lát cuốn nền tại chân tường cao 100, mặt hoàn thiện phẳng với các mặt tường hoàn thiện còn lại, nền hoàn thiện có độ mấp mô không lớn hơn 3mm/3m; nền phòng vệ sinh lát gạch granit 300x300 chống trượt; Trần toàn bộ các phòng và hành lang sạch được đóng trần thạch cao chống ẩm, khung nổi 600x600; trần phòng chụp mạch được ốp tấm chì dày 2mm ngăn tia X, tấm trần sơn epoxy hoàn thiện; trần trong phòng và hành lang sạch cách sàn 2,8m, trần phòng chụp mạch cách sàn 2,7m, hành lang còn lại không đóng trần; Chống thấm trần toàn bộ các phòng vệ sinh; Bóc lớp gạch nền các phòng vệ sinh tầng trên, thay mới toàn bộ các ống nước âm nền, chống thấm sàn và lát lại nền; Hệ thống cửa đi, cửa sổ có cấu tạo khung nhựa, lõi thép, kính cường lực; cửa đi phòng chụp mạch có cấu tạo đóng - mở tự động, khung thép ốp tấm inox 304, bên trong có lớp cách âm cách nhiệt và tấm chì dày 2mm ngăn tia X; kính chì quan sát ngăn tia X tương đương tấm chì dày 2mm; Hệ thống điện, cấp, thoát nước theo quy định.

*** Hạng mục 3 - Cải tạo, sửa chữa nhà lắp đặt thiết bị hệ thống X-Quang kỹ thuật số:**

- Diện tích mặt bằng xây dựng 76m²; bố trí các phòng chức năng: phòng chụp X-Quang (32m²), phòng điều khiển (17m²), phòng bác sĩ (11m²), khu vệ sinh.

- Tháo dỡ toàn bộ tường, sàn gạch, cửa đi khu vực phòng khám hiện trạng; Xây tường mới theo thiết kế bằng gạch bê tông, trát vữa xi măng M75; tường các phòng bác sĩ, điều khiển, chụp X-quang sơn bả matit hoàn thiện, chân tường ốp gạch granit 150x600 bằng mặt tường; tường phòng chụp X-quang có tấm chì dày 2mm ở giữa để ngăn tia X; tường phòng vệ sinh ốp gạch granit 300x600 cao đến trần hoàn thiện;-



Nền các phòng lát gạch granit 600x600 len chân tường 150x600; nền phòng chụp X-quang được gia cố bê tông chịu lực máy tại vị trí đặt máy, nền hoàn thiện có độ mấp mô không quá 3mm/3m; nền phòng vệ sinh lát gạch granit 300x300 chống trượt; Toàn bộ các phòng được đóng trần thạch cao chống ẩm, khung nổi 600x600; trần phòng chụp X-quang được ốp tấm chì dày 2mm ngăn tia X; trần trong phòng cách sàn 2,8m; Hệ thống cửa đi, cửa sổ có cấu tạo khung nhựa, lõi thép, kính cường lực; cửa đi phòng chụp X-quang có cấu tạo đóng - mở tự động, khung thép ốp tấm inox 304, bên trong có lớp cách âm cách nhiệt và tấm chì dày 2mm ngăn tia X; kính chì quan sát ngăn tia X tương đương tấm chì dày 2mm; Hệ thống điện, cấp, thoát nước theo quy định.

*** Hạng mục 4 - Cải tạo, sửa chữa nhà lắp đặt thiết bị hệ thống chụp cộng hưởng từ 3.0 tesla:**

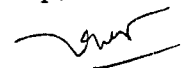
- Diện tích mặt bằng xây dựng 206 m²; bố trí các phòng chức năng: phòng chụp MRI (37m²), phòng điều khiển (15m²), phòng đọc phim (10m²), phòng bác sĩ (12m²), phòng đợi chụp (37m²), phòng thiết bị (18m²), phòng giao ban (44m²), khu vệ sinh.

- Tháo dỡ toàn bộ nhà khám siêu âm hiện nay để có mặt bằng xây dựng. Xây tường mới theo thiết kế bằng gạch bê tông, trát vữa xi măng M75; tường các phòng sơn bả matit hoàn thiện, chân tường ốp gạch granit 150x600 bằng mặt tường, chân tường một số phòng ốp gạch 300x600 và 150x600 cao 1,05m, phần trên cao sơn bả matit; tường phòng vệ sinh ốp gạch granit 300x600 cao đến trần hoàn thiện; thi công hoàn thiện tường phòng chụp MRI để đưa máy vào và xây lại sau khi nhận máy, đóng lồng; chân tường bên ngoài ốp đá granit cao 1,2m. Nền các phòng lát gạch granit 600x600 len chân tường 150x600; nền phòng chụp MRI có đế bê tông đặt máy nặng 9.000 kg, mặt nền láng vữa xi măng, xoa nền có độ mấp mô không quá 2mm/m; nền phòng vệ sinh lát gạch granit 300x300 chống trượt. Trần toàn bộ các phòng (trừ phòng chụp MRI không đóng trần) được đóng trần thạch cao chống ẩm, khung nổi 600x600, cao cách sàn 2,8m. Mái BTCT lợp tôn mạ màu sóng vuông dày 0,5mm, xà gồ thép c150x45x2 @900; đáy các sênô, ô-văng đắp chỉ nước 10x20. Hệ thống cửa đi, cửa sổ có cấu tạo khung nhựa, lõi thép, kính cường lực; Hệ thống điện, cấp, thoát nước theo quy định.

*** Hạng mục 5 - Cải tạo, sửa chữa nhà lắp đặt các thiết bị thụ tinh ống nghiệm - IVF:**

- Diện tích mặt bằng xây dựng 402 m²; bố trí các phòng chức năng: phòng thí nghiệm thụ tinh ống nghiệm (IVF Lab), chuyển phôi, xét nghiệm, lấy mẫu, IUI, hồi sức, khám, giám sát, tổng hợp, tiếp nhận, rửa tay, khu vực đợi, khu vệ sinh.

- Tháo dỡ một số phòng hiện có, lấp vách ngăn một số phòng chức năng phù hợp, với cấu tạo khung kim loại với tấm vách vật liệu tổng hợp (chống cháy, chịu nước và cách âm) lắp vào. Tường các phòng sơn bả matit, riêng tường phòng chuyển phôi và phòng IVF Lab tường sơn epoxy, các góc tường được bo tròn; Nền các phòng lát gạch granit 600x600 len chân tường 120x600, riêng phòng IVF Lab trải tấm vinyl (chống tĩnh điện, kháng khuẩn, chịu mài mòn, chịu lực nén) cuộn chân tường 100. Trần các phòng được đóng trần thạch cao chống ẩm, khung nổi 600x600, cao cách sàn 2,8m, trần phòng chuyển phôi và phòng IVF Lab sơn epoxy. Hệ thống cửa đi, cửa sổ có cấu tạo khung nhựa, lõi thép, kính cường lực; Hệ thống điện, cấp, thoát nước theo quy định.



d) Tổng giá trị dự toán: **17.274.218.000 đồng**
(Mười bảy tỷ, hai trăm bảy mươi tư triệu, hai trăm mười tám nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây lắp : 13.238.148.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án: : 292.804.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình : 889.251.000 đồng
- Chi phí khác : 814.910.000 đồng
- Chi phí dự phòng : 2.039.105.000 đồng

3. Phê duyệt kế hoạch sử dụng vốn đối ứng của tỉnh cho Dự án:

- Tổng số vốn đối ứng của tỉnh: **65.791.000.000 đồng** (phê duyệt tại Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của UBND tỉnh)

- Kế hoạch sử dụng vốn đối ứng của tỉnh cho Dự án: Theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định tại Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Thực hiện thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy tại cơ quan Cảnh sát về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.

- Chỉ đạo đơn vị tư vấn hoàn thiện hồ sơ dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán theo kết quả thẩm định của Sở Xây dựng tại các Công văn: số 333/SXD-QLXDTĐ ngày 07/10/2016 về kết quả thẩm định điều chỉnh Dự án Phát triển bệnh viện tỉnh, vùng - giai đoạn II, Hợp phần Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định và số 338/SXD-QLXDTĐ ngày 11/10/2016 về kết quả thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình thuộc Dự án Phát triển bệnh viện tỉnh, vùng - giai đoạn II, Hợp phần Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định kèm theo

Điều 3. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Phát triển bệnh viện tỉnh, vùng - giai đoạn II, Hợp phần Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Kế hoạch và Đầu tư,
Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh;
Giám đốc Ban Quản lý Dự án Phát triển bệnh viện tỉnh, vùng - giai đoạn II tỉnh Bình
Định và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này
kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP NN;
- Lưu VP, K15.

CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Dũng

Phụ lục:

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỐN ĐỐI ỨNG

Dự án: Phát triển bệnh viện tỉnh, vùng - giai đoạn II, Hợp phần Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định

(Kèm theo Quyết định số 3743 /QĐ-UBND ngày 24 / 10/2016 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

Stt	Nội dung	Tiền độ giải ngân						Tổng số tiền
		Đã thực hiện			Dự kiến			
		2013	2014	2015	2016	2017	2018	
I	Thuế: VAT, nhập khẩu và các loại thuế, phí khác (tạm tính)	0	0	0	400.000	29.600.000		30.000.000
II	Chi phí tư vấn	1.117.922	219.450	0	2.497.857	0	0	3.835.229
1	Chi phí lập Dự án Đầu tư	1.079.777						1.079.777
2	Chi phí thẩm tra tính hiệu quả và tính khả thi của dự án đầu tư				126.638			126.638
3	Chi phí thiết kế cấu hình, thông số kỹ thuật							0
4	Chi phí thẩm tra thiết kế cấu hình, thông số kỹ thuật							0
5	Chi phí thẩm định giá	38.145	219.450		251.219			508.814
6	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT							0
7	Chi phí thuê Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị				900.000			900.000
8	Chi phí thuê Tư vấn giám định chất lượng thiết bị				1.060.000			1.060.000
9	Chi phí Tư vấn hỗ trợ thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, Tư vấn các thủ tục giải ngân				160.000			160.000
III	Chi khác	0	0	0	17.274.218	0	1.600.000	18.874.218
1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán						700.000	700.000
2	Chi phí kiểm toán						900.000	900.000
3	Chi phí cải tạo, sửa chữa nhà lắp đặt thiết bị				17.274.218			17.274.218
IV	Chi phí quản lý dự án:	233.279	368.066	440.119	1.000.000	1.000.000	1.000.000	4.041.464
1	Phụ cấp Ban QLDA	216.175	229.465	233.399	300.000	300.000	300.000	1.579.039
2	Hội họp/ Công tác phí	17.104	135.251	125.596	300.000	300.000	300.000	1.177.951
3	VPP, điện, nước		3.350	81.124	200.000	200.000	200.000	684.474
4	Phụ cấp cán bộ dự án, đào tạo chuyên môn				200.000	200.000	200.000	600.000
V	Chi phí dự phòng	0	0	0	0	6.000.000	3.220.089	9.220.089
	TỔNG CỘNG: I+II+III+IV+V	1.351.201	587.516	440.119	21.172.075	36.600.000	5.820.089	65.971.000